

Bản án số: 08 /2023/HC-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Công Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Đình Lập
2. Ông Đinh Công Hoạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lục Trường Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lục Văn Phách – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2023/TLST-HC ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khởi kiện hành vi hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Hoàng Minh L**

Địa chỉ: **Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Người bị kiện:

+ Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Hoàng Thị D** – Chi cục trưởng

+ Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Nguyên P** – Chủ tịch

+ Hạt trưởng **Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Cao Bằng**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đàm Văn C** – Hạt trưởng

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:**

Tôi khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 (Quyết định số 64) của hạt trưởng **hạt kiểm lâm huyện N**, tỉnh Cao Bằng về kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính.

- Hủy bỏ Quyết định số 79/QĐ-CCKL ngày 23/11/2022 về việc giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng **Chi cục kiểm lâm tỉnh C** với lý do **Chi cục kiểm lâm tỉnh C** chấp nhận các nội dung khiếu nại là không có căn cứ.

- Yêu cầu **Chi cục kiểm lâm tỉnh C** bồi thường thiệt hại đối với số ngày tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề với thu nhập hoạt động từ máy xúc của ông tạo ra thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/ngày; số tiền yêu cầu là 100.000.000 đồng.

- Hủy bỏ quyết định số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022 của Chủ tịch **UBND huyện N**, tỉnh Cao Bằng về xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 3613).

- Buộc Chủ tịch **UBND huyện N**, tỉnh Cao Bằng hoàn trả lại số tiền 62.500.000 đồng đã nộp phạt do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính gây ra.

Tại phiên đối thoại tôi bổ sung yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 66/QĐ-KDTG, ngày 29/8/2022 của **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** v/v tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện:

- Tôi yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 của Hạt trưởng **hạt kiểm lâm N** về việc kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính vì: Quyết định 64 có các nội dung: kéo dài thời hạn tạm giữ từ ngày 28/7/2022 đến ngày 29/8/2022 không đúng quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 vì lý do “*kéo dài thời hạn tạm giữ để trình cấp trên xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật*” không được quy định tại Điều luật này. Đối với Quyết định số 66 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tôi không được tổng đạt hợp lệ nên tôi cũng không đồng ý với thời hạn tạm giữ phương tiện từ ngày 30/8/2022 đến ngày 21/9/2022. Tổng thời gian Hạt kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm tạm giữ phương tiện không có căn cứ là 53 ngày, từ ngày 28/7/2022 đến hết ngày 18/9/2022.

Đối với Quyết định số 66 tôi xác nhận được cán bộ Chi cục Kiểm lâm thông báo về việc quyết định ra hạn tạm giữ phương tiện VPHC số 66, tuy nhiên tôi chưa nhận được văn bản này một cách hợp lệ nên điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi.

- Tôi yêu cầu hủy Quyết định số 79/QĐ-CCKL ngày 23/11/2022 của **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** về việc giải quyết khiếu nại (gọi là quyết định 79) vì: Mục III của Quyết định 79 đã kết luận: Những nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 64 là đúng. **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** không thực hiện hành vi hành chính là giao Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành

chính số 66/QĐ-KDTG (bản chính) theo quy định tại khoản 5 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 là đúng, mà chỉ thông báo bằng điện thoại. Đến ngày 21/9/2022, khi tôi thi hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và được trả lại máy xúc thì Hạt Kiểm lâm huyện N mới giao bản chính Quyết định số 66. Do đó, Quyết định 79 đã thừa nhận các nội dung khiếu nại của tôi là đúng nhưng không chấp nhận đơn khiếu nại của tôi là không có căn cứ.

- Tôi yêu cầu hủy Quyết định số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện về xử phạt vi phạm hành chính vì:

+ Tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định *“...Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó...”* có nghĩa là khi 2 người trở lên cùng thực hiện hành vi vi phạm đáp ứng các điều kiện: cùng đủ điều kiện chủ thể để chịu trách nhiệm về hành vi, cùng thực hiện hành vi (hành vi của họ hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để đạt được mục đích, để thực hiện được việc vi phạm pháp luật), cùng có lỗi... thì họ phải cùng chịu trách nhiệm về hành vi mà mình đã thực hiện.

Tôi là người địa phương khác đến làm thuê, ai thuê gì làm đó, không biết khu vực san gạt là đất rừng đặc dụng, việc vi phạm là hoàn toàn nằm ngoài ý chí chủ quan của tôi. Vì ông Lưu k thuê san gạt thì không có lý do gì tôi cho máy vào rừng đặc dụng san gạt. Do đó, việc nhận định tôi là người *“đã trực tiếp thuê và chỉ đạo Ông Trần Quốc K lái máy xúc mở đường, san ủi qua rừng đặc dụng”* là không chính xác. Do đó, đối chiếu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã không xem xét, phân hóa các hành vi của từng cá nhân cụ thể, phù hợp với tính chất, mức độ, đối tượng vi phạm để ra quyết định xử phạt. Từ đó xác định tôi là người cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính với ông L1 là không có căn cứ, việc xử phạt tôi là không đúng đối tượng.

+ Về mức phạt: Tôi có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính được nêu tại mục 5 Điều 1 của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020. Theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định *“Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.”* Quyết định xử phạt căn cứ quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính

phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, có mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng. Theo quy định thì mức phạt tiền đối với tôi phải được giảm xuống nhưng quyết định xử phạt lại lấy mức trung bình của khung tiền phạt để ra quyết định xử phạt là không chính xác.

Tại tòa tôi thừa nhận đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính phá rừng đặc dụng, tuy nhiên việc tôi làm như vậy cũng chỉ để giúp bà con dồn các thửa ruộng để phát triển kinh tế gia đình. Khi thực hiện hành vi vi phạm thì cả chủ đất và tôi không hề biết đất đó là rừng đặc dụng, trên đất cũng không có tài nguyên gì giá trị, tôi không đi khai khoáng tài nguyên nên phạt tôi ở mức như vậy là quá nặng. Mặt khác xung quanh còn có những người cũng mở đường rộng hơn tôi nhưng không bị xử lý.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 100 triệu đồng mất thu nhập do máy xúc bị tạm giữ không đúng quy định: Hạt Kiểm lâm huyện Nguyên Bình là cơ quan ra quyết định số 64, **C** là cơ quan ra Quyết định số 66 nhưng tôi chỉ yêu cầu **Chi cục Kiểm lâm C** phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho tôi.

Tại thời điểm bị tạm giữ máy xúc, máy xúc hoạt động bình thường, nhiều người thuê máy xúc của tôi thực hiện việc san gạt đất nên công việc được thực hiện đều đặn hàng ngày, không nghỉ, giá thuê san gạt đất một giờ (60 phút), số tiền là 400.000 đồng, trung bình một ngày làm từ 8 đến 10 tiếng. Như vậy, thu nhập trung bình một ngày 2.500.000 đồng (đã trừ chi phí dầu máy, hao mòn, nhân công), số ngày máy xúc bị tạm giữ không đúng quy định là 53 ngày x 2.500.000 đồng = 132.500.000 đồng. Nay chỉ yêu cầu Chi cục Kiểm lâm bồi thường số tiền 100 triệu đồng thiệt hại mất thu nhập do máy xúc bị tạm giữ không đúng quy định.

Tôi chỉ mua máy xúc để làm tự do, không làm cho công ty, cá nhân nào có nhu cầu thì tôi cho thuê, theo tôi được biết ngành nghề này không phải đóng thuế nên tôi không có tài liệu nào để chứng minh thu nhập cho Tòa án.

- Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch **UBND huyện N** trả lại số tiền 62.500.000 đồng mà tôi đã nộp phạt theo Quyết định số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022. Như đã trình bày ở trên thì không phải vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Việc nộp phạt chỉ nhằm mục đích được cơ quan chức năng trả lại máy xúc để tôi tiếp tục làm việc.

**Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Hạt kiểm lâm huyện N – ông Đàm Văn C trình bày:**

Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định số 64:

- Khi phát hiện hành vi vi phạm, Trạm Kiểm lâm bảo vệ khu **rừng đặc dụng P** - Phía Đén đã lập biên bản và ra quyết định số 02/QĐ-TG, ngày 19/7/2022 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính 01 máy xúc, thời gian tạm giữ 07 ngày làm việc từ ngày 19/7/2022 đến ngày 27/7/2022 để hồ sơ vụ vi phạm. Trong quá trình thiết lập hồ sơ, **Hạt Kiểm lâm N** nhận thấy vụ việc có nhiều tình tiết phức

tạp, tính chất, mức độ gây thiệt hại của người vi phạm nằm trong trường hợp giải trình và cá nhân ông **Hoàng Minh L** cũng có đơn yêu cầu giải trình. Vụ việc liên quan đến nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Người vi phạm không phải người địa phương, có hộ khẩu thường trú tại **huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Xác minh các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Cần phải có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ.

- Khi hết thời hạn tạm giữ của Trạm trưởng trạm Kiểm lâm khu rừng đặc dụng **P - P**, Hạt trưởng **Hạt K lâm huyện N** đã có quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, kể từ ngày 28/7/2022 đến ngày 29/8/2022 (33 ngày tính cả thứ 7 và chủ nhật), tổng thời gian tạm giữ theo hai quyết định trên là 42 ngày. Sau khi sắp hết thời hạn kéo dài tạm giữ được quy định tại quyết định số 64/QĐ-KDTG, **H lâm huyện N** vẫn chưa đủ căn cứ để ra quyết định xử phạt, cần phải có thêm thời gian xác minh các tình tiết của người vi phạm nên ngày 25/8/2022 **Hạt Kiểm lâm N** đã có công văn số 87/CV-HKL, gửi Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** về việc xin ra hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính và đến ngày 29/8/2022 Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** đã ban hành quyết định số 66/QĐ-KDTG, kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện thêm 20 ngày, từ ngày 30/8/2022 đến hết ngày 18/9/2022. Như vậy, tính từ ngày tạm giữ 19/7/2022 đến hết ngày 18/9/2022 mới hết thời gian 02 tháng tạm giữ, nhưng đến ngày 16/9/2022 Hạt Kiểm lâm đã xác minh, làm rõ được các tình tiết vi phạm của các cá nhân, tổ chức và đủ căn cứ trình người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Cùng ngày 16/9/2022, Chủ tịch **UBND huyện N** đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân và tổ chức có liên quan.

- Tại điểm c, Khoản 1, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi bổ sung năm 2020 quy định:

*“c) Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết, phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính”.*

Và tại Khoản 8, Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: *“Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật này thì thời hạn tạm giữ có thể được tiếp tục kéo dài nhưng không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ”.*

Như vậy, kể từ ngày tạm giữ (ngày 19/7/2022) đến ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (ngày 16/9/2022) chưa quá thời hạn tạm giữ 02 tháng. Việc tạm giữ của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm **huyện N** là đúng và có căn cứ pháp luật. Khi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với các cá nhân và tổ chức liên quan, Hạt kiểm lâm đã liên lạc với ông **Hoàng Minh L**, nhưng do ông **L** thường trú ở **xa Đ, Thái Nguyên**), lại đi làm ăn không ở nhà nên đến tận ngày 21/9/2022 ông **L** mới có mặt tại **huyện N, tỉnh Cao Bằng** để thi hành quyết định xử phạt và lấy lại phương tiện tạm giữ.

Đối với việc anh **L** cho rằng xung quanh cũng có nhiều người mở đường

mà không bị xử phạt do những trường hợp này họ mở đường qua đất nông nghiệp, thuộc quyền quản lý sử dụng của cá nhân. Trong tổng thể quy hoạch đất rừng đặc dụng thì vẫn có những thửa là đất ruộng, đất rẫy, đất nông nghiệp do người dân quản lý chứ không phải tất cả là đất rừng đặc dụng. Ông **L** cho rằng ông chỉ được thuê để để dồn thửa do ông **L1**, nhưng để vào được ruộng nhà ông **L1** thì phải đi qua hơn 2km rừng đặc dụng. Đối với các cây cối trên đất bị phá Hạt Kiểm lâm đã lập các biểu điều tra cây gỗ theo đúng quy định.

Hạt trưởng **Hạt kiểm lâm huyện N** không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 64.

**Đại diện của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N – ông Đào Nguyễn P trình bày:**

- Hành vi san ủi, mở đường của ông **L** gây thiệt hại đến rừng với diện tích 485m<sup>2</sup> (bốn trăm tám mươi năm mét vuông) rừng đặc dụng, trạng thái là rừng hỗn giao tre nứa - gỗ (ký hiệu là HG2) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hành vi phá rừng trái pháp luật được quy định tại Điều 20, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Căn cứ Điểm d, Khoản 5, Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; hành vi vi phạm của ông **L** có mức tiền phạt từ 50 triệu đồng đến 75 triệu đồng.

- Căn cứ Điểm b, Khoản 18, Điều 1 nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi thì Chủ tịch **ủy ban nhân dân C** có quyền phạt tiền đến 100 triệu đồng;

- Tại Khoản 4, Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp quy định: “*Cơ quan Kiểm lâm các cấp ở địa phương có trách nhiệm tham mưu cho ủy ban nhân dân cùng Cấp trong việc xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Điều này*”

- Căn cứ Tờ trình số 101/TTr-HKL ngày 16/9/2022 của **Hạt Kiểm lâm huyện N** về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

- Căn cứ phiếu trình ký giải quyết công việc số 102/PT ngày 16/9/2022 của **Hạt Kiểm lâm huyện N**;

Như vậy quyết định số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022 của Chủ tịch **ủy ban nhân dân huyện N** về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Hoàng Minh L** là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật theo đề nghị của **Hạt K1** lâm **huyện N**.

**Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh C – bà Hoàng Thị D trình bày:**

Về nội dung quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ số 64/QĐ-KDTG ngày

27/7/2022 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện N, tỉnh Cao Bằng chưa đảm bảo nội dung, trình tự theo quy định tại khoản 1, khoản 8, Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) như ông Hoàng Minh L nêu trong đơn là đúng thực tế. Tuy nhiên, hành vi vi phạm của ông Hoàng Minh L và các đối tượng liên quan đã diễn ra, gây hậu quả, việc tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc này là cần thiết để *“ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính”* và *“đề xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định XU'phạt”*, thời hạn tạm giữ và kéo dài tạm giữ vẫn đảm bảo *“không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ”*, các nội dung chưa phù hợp trong quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 không làm ảnh hưởng hoặc thay đổi việc cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Vì vậy, việc hủy quyết định này là không cần thiết.

Về các nội dung chưa phù hợp trong quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện N, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C sẽ xem xét, kiểm điểm trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Các quyết định tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ được ban hành đúng thời hạn theo quy định và đã được giao trực tiếp hoặc thông báo và sau đó giao trực tiếp cho ông Hoàng Minh L. Sự việc Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao cho ông Hoàng Minh L bản chính quyết định số 66/QĐ-KDTG ngày 29/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh C nhưng ông Hoàng Minh L không ký xác nhận việc nhận quyết định là ý chí cá nhân của ông Hoàng Minh L. Do vậy, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C không có cơ sở để *“Xem xét xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không có quyết định tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền”*.

- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cao Bằng khẳng định, tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm của ông Hoàng Minh L và các đối tượng liên quan đã diễn ra, gây hậu quả, việc tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc này là cần thiết để *“ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính”* và *“xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt”*; các quyết định tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ được ban hành đúng thời gian theo quy định và đã được giao trực tiếp hoặc thông báo và sau đó giao trực tiếp cho ông Hoàng Minh L, thời hạn tạm giữ và kéo dài tạm giữ đảm bảo *“không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ”* và *“... không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính”* theo quy định tại khoản 8, Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ đã được trả lại sau khi ông Hoàng Minh L thi hành xong quyết định xử phạt theo đúng quy định. Do vậy, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C không có cơ sở để xem xét yêu cầu *“bồi thường thiệt hại đối với số ngày tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật và số ngày tạm giữ không có quyết định tạm giữ theo quy định của pháp luật so tiền 100.000.000 đồng”* của ông Hoàng Minh L.

Từ những nhận định và căn cứ trên, **Chi cục K2** lâm không chấp nhận các nội dung khiếu nại và khởi kiện của ông **Hoàng Minh L.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Minh L.**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Hoàng Minh L** khởi kiện các quyết định hành chính của **Hạt kiểm lâm huyện N**, **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** và Chủ tịch **UBND huyện N**. Căn cứ Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, xác định đây là các quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/02/2023, ông **Hoàng Minh L** nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thì ông **L** khởi kiện trong thời hiệu luật định.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 của hạt trưởng **hạt kiểm lâm huyện N** và Quyết định số 66/QĐ-KDTG của Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** về kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông **Hoàng Minh L**:

**[3.1] Về thẩm quyền:**

Căn cứ khoản 3 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020) thì Hạt trưởng **Hạt kiểm lâm huyện N**, Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** ban hành Quyết định số 64 và Quyết định số 64 là đúng thẩm quyền.

**[3.2] Về trình tự, thủ tục và nội dung:**

Quyết định số 64 có nội dung kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính là 01 máy xúc nhãn hiệu HITACHI màu vàng cam Model EX 60-5 máy cũ đã qua sử dụng, kính buồng lái đã vỡ và 01 chìa khóa đã qua sử dụng màu đen trắng nhãn hiệu HONDA đối với ông **Hoàng Minh L**. Thời hạn là 23 ngày, từ ngày 28/7/2022 đến ngày 29/8/2022. Lý do để trình cấp trên xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 66 có nội dung kéo dài thời hạn tạm giữ đối với các phương tiện vi phạm hành chính nêu trên của ông **Hoàng Minh L**. Thời hạn là 20 ngày, từ ngày 30/8/2022 đến ngày 18/9/2022. Lý do để hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xử lý.

Về thời hạn tạm giữ, theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính có thể được kéo dài không quá 01 tháng kể từ ngày tạm giữ đối với vụ việc thuộc điểm b khoản 1 Điều 66, và có thể được tiếp tục kéo dài nhưng không quá 02 tháng kể từ ngày tạm giữ đối với vụ việc thuộc điểm b khoản 1 Điều 66.

Hạt trưởng **Hạt kiểm lâm huyện N** đã ra quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính với thời hạn là 23 ngày, nhưng thời hạn tạm giữ thực tế là 23 ngày làm việc (từ ngày 28/7/2022 đến ngày 29/8/2022). Ngày 19/7/2022, ông **L** bị tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính, do đó, trường hợp xác định vụ việc thuộc điểm b khoản 1 Điều 66 thì Hạt Kiểm lâm **huyện N** chỉ được ra quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính đến ngày 19/8/2022. Tuy nhiên, trong quá trình lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, xét thấy vụ việc có tính chất phức tạp, có nhiều tình tiết mới phát sinh, đặc biệt là phát sinh thêm 1 đối tượng có hành vi vi phạm là **Trần Quốc K** (trú tại: **T, T, Đ, Thái Nguyên**), để tiếp tục xác minh làm rõ vụ việc, ngày 25/8/2022, Hạt trưởng **Hạt Kiểm lâm huyện N** đã có công văn gửi **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** xin gia hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính. Do đó, vụ việc cần xác định thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính không quá 02 tháng kể từ ngày tạm giữ. Như vậy, cho dù không báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn việc tạm giữ thì Hạt trưởng **Hạt kiểm lâm huyện N** vẫn có thẩm quyền ra quyết định tiếp tục kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính tối đa là 02 tháng, kể từ ngày bị tạm giữ.

Kể từ ngày ông **L** bị tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính (ngày 19/7/2022) đến hết ngày kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính (ngày 18/9/2022) theo Quyết định số 66 của Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** thì thời hạn tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ đảm bảo không quá 02 tháng kể từ ngày tạm giữ và không quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Về lý do kéo dài thời hạn tạm giữ, Quyết định số 64 và 66 cần ghi cụ thể lý do kéo dài thời hạn tạm giữ thuộc trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, việc ghi lý do để trình cấp có thẩm quyền xử lý theo các Quyết định trên là chưa phù hợp. Tuy nhiên, việc kéo dài thời hạn tạm giữ là cần thiết để có thêm thời gian xác minh, thu thập chứng cứ. Mặt khác, ông **L** chỉ bị áp dụng hình thức phạt tiền nên người có thẩm quyền

xử phạt còn có quyền tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính đến khi ông L chấp hành xong quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các Quyết định số 64 và 66 còn thiếu sót về nội dung nhưng không làm thay đổi biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng. Việc áp dụng biện pháp tạm giữ là cần thiết nhằm ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính và thuộc trường hợp được kéo dài thời hạn tạm giữ nên không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Minh L. Do đó, việc hủy bỏ các quyết định này là không cần thiết. Ông L cho rằng Hạt kiểm lâm huyện N, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính không có căn cứ 53 ngày và yêu cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh C bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là không có cơ sở.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 79/QĐ-CCKL ngày 23/11/2022 của Chi cục trưởng Kiểm lâm tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại:

[4.1] Về thẩm quyền:

Quyết định số 79/QĐ-CCKL ngày 23/11/2022 do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh C ban hành có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Minh L đảm bảo đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2] Về trình tự, thủ tục:

Ngày 11/10/2022, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C được Đơn khiếu nại đề ngày 10/10/2022 của ông Hoàng Minh L.

Ngày 13/10/2022, Chi cục Kiểm lâm tỉnh C ban hành Thông báo số 72/TB-CCKL về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 18/10/2022, Chi cục trưởng C ban hành Quyết định số 73/QĐ-CCKL về việc thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 15/11/2022, Tổ xác minh ban hành Báo cáo xác minh số 01/BC-XMKN.

Sau khi có kết quả xác minh nội dung khiếu nại, ngày 23/11/2022, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh C ban hành Quyết định số 79/QĐ-CCKL giải quyết khiếu nại lần đầu.

Căn cứ các Điều 27 (Thụ lý giải quyết khiếu nại), Điều 28 (Thời hạn giải quyết khiếu nại), Điều 29 (Xác minh nội dung khiếu nại), Điều 30 (tổ chức đối thoại), Điều 31 (Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu) và Điều 32 (Gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu) của Luật khiếu nại năm 2011 thì việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh C đảm bảo đúng trình tự, thủ tục.

[4.3] Về nội dung:

Quyết định số 79 có nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông **Hoàng Minh L** đối với các yêu cầu: (1) Xem xét hủy bỏ Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 của Hạt trưởng **Hạt Kiểm lâm huyện N**; (2) Xem xét xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính không có quyết định tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền; (3) Bồi thường thiệt hại đối với số ngày tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính không có căn cứ, không có quyết định số tiền 100.000.000 đồng.

Tại mục [3] Hội đồng xét xử đã nhận định việc ông **L** khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 64 và yêu cầu Chi cục Kiểm lâm bồi thường thiệt hại là không có cơ sở nên Quyết định số 79 giải quyết khiếu nại của ông **L** đảm bảo tính hợp pháp về nội dung.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3613/QĐ-CCKL ngày 16/9/2022 của Chủ tịch **UBND huyện N**:

[5.1] Về thẩm quyền:

Quá trình lập hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính, Trạm kiểm lâm Phia Oắc – Phia Đén, **H huyện N** đã tiến hành đo đếm bằng máy định vị xác định diện tích rừng đặc dụng bị san ủi là 696m<sup>2</sup>.

Xét thấy hành vi vi phạm hành chính của ông **L** thuộc điểm d khoản 7 Điều 20 Nghị định 35/2019/NĐ-CP nên thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch UBND tỉnh, ngày 28/7/2022, **Hạt kiểm lâm huyện N** có tờ trình số 67/TTr-HKL gửi Chi cục Kiểm lâm tỉnh đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử phạt.

Ngày 15/9/2022, **Hạt kiểm lâm huyện N** tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính. Do quá trình xác định diện tích thiệt hại ban đầu sử dụng máy định vị GPS có thể có sai số, Hạt kiểm lâm đã đo xác định lại diện tích thiệt hại bằng phương pháp đo thủ công, sử dụng thước dây. Kết quả đo lại xác định diện tích rừng bị san ủi trái pháp luật là 485m<sup>2</sup>.

Ngày 16/9/2022, **Hạt Kiểm lâm huyện N** có tờ trình số 101/TTr-HKL gửi Chủ tịch **UBND huyện N** đề nghị xử phạt đối với ông **Hoàng Minh L** do có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP thì Hạt kiểm lâm **huyện N** chuyển hồ sơ để Chủ tịch **UBND huyện N** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định, Quyết định số 3613/QĐ-CCKL ngày 16/9/2022 của Chủ tịch **UBND huyện N** ban hành đúng thẩm quyền.

[5.2] Về trình tự, thủ tục:

Việc lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính thực hiện đúng quy định tại các Điều 58, 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đã được **Hạt kiểm lâm huyện N** thực hiện theo đúng quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính thông qua việc lấy lời khai của người vi phạm, những người có liên quan, tiến hành đo xác định diện tích rừng bị san ủi trái pháp luật.

Ngày 16/9/2022, **Hạt Kiểm lâm huyện N** có tờ trình số 101/TTr-HKL gửi Chủ tịch **UBND huyện N** đề nghị xử lý vụ việc vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Về thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định, ngày 19/7/2022, **Hạt Kiểm lâm huyện N** lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Hoàng Minh L**, đến ngày 16/9/2022, Chủ tịch **UBND huyện N** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3613 đối với ông **Hoàng Minh L** là đúng thời hiệu xử lý, thời hạn ban hành quyết định quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3613/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** đảm bảo tính hợp pháp theo quy định của pháp luật.

#### [5.3] Về nội dung:

Tại Tòa, ông **L** thừa nhận được ông **Bản Triều L2** thuê san gạt với tiền công là 400.000 đồng/giờ nhưng ông **L** cho rằng ông chỉ có mục đích san gạt để lấy tiền thuê, ông không biết diện tích san gạt là rừng đặc dụng. Ông **L** là chủ máy xúc nhưng không trực tiếp lái máy xúc san gạt, việc san gạt là do ông **Trần Quốc K** trực tiếp thực hiện. Do đó ông **L** cho rằng ông và ông **K** không cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính với ông **L2**. Quyết định xử phạt không xem xét, phân hóa các hành vi vi phạm của từng cá nhân phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm để ra quyết định xử phạt. Ngoài ra ông **L** cũng không nhất trí với mức tiền phạt là mức trung bình của khung tiền phạt mà Chủ tịch **UBND huyện N** áp dụng vì ông có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính nên mức tiền phạt cần được giảm xuống.

#### Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/8/2022 ông **Bản Triều L3** khai nhận: vào sáng ngày 16/7/2022 ông **Hoàng Minh L** có liên lạc và trực tiếp xuống nhà ông **L3** để trao đổi và thỏa thuận về vấn đề mở đường. Qua thỏa thuận, ông **L3** chỉ chịu trách nhiệm khi nào mở đến phần đất ruộng và phần đất nhà cũ của ông. nếu xảy ra vi phạm thì ông **L** tự chịu trách nhiệm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2022 ông **Hoàng Minh L** khai nhận: ngày 16/7/2022 ông **L** và ông **Bản Triều L2** có gọi điện trao đổi với nhau để thuê máy xúc mở đường. Ngày 17/7/2022 ông **L** có điều khiển máy xúc đến hiện trường để

động thổ và từ ngày 17/7/2022 đến ngày 19/7/2022 ông đều có mặt tại hiện trường, ngồi trên máy xúc và trực tiếp chỉ đạo ông **Trần Quốc K** điều khiển máy xúc để mở đường đi qua các lô rừng nói trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2022 ông **Trần Quốc K** khai nhận: Ông **(K)** được ông **L** thuê điều khiển máy xúc mở đường, ông **L** là chủ sở hữu phương tiện (máy xúc). Từ ngày 17/7/2022 đến ngày 19/7/2022 ông **L** đều có mặt tại hiện trường và điều khiển máy xúc mở đường (động thổ) vào rừng đặc dụng, trực tiếp chỉ đạo ông **K** mở đường, san ủi đi qua các lô rừng.

Hành vi san ủi, mở đường đã được **Hạt kiểm lâm huyện N** xác định gây thiệt hại đến rừng với diện tích 485 m<sup>2</sup>, (Bốn trăm tám mươi năm mét vuông) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính và lời khai của người vi phạm, những người có liên quan, có đủ căn cứ để xác định ông **Hoàng Minh L** thực hiện hành vi vi phạm hành chính phá rừng trái pháp luật quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ông **L** thì các ông **Bàn Triều L2** (người thuê ông **L** san gạt) và ông **Trần Quốc K** (người lái máy xúc thuê cho ông **L**) cũng đã bị Chủ tịch **UBND huyện N** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với cùng hành vi nêu trên, mức tiền phạt là 62.500.000 đồng. Như vậy, vụ việc được xác định là nhiều người cùng thực hiện một hành vi phạm hành chính nên việc ra quyết định xử phạt đối với cả 03 đối tượng trên là hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó. Ông **L** yêu cầu quyết định xử phạt phải có sự phân hóa tính chất, mức độ vi phạm của từng cá nhân là không có căn cứ.

Về mức tiền phạt, việc áp dụng mức tiền phạt đối với ông **L** là mức trung bình của khung tiền phạt phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, ông **L** chỉ có một tình tiết giảm nhẹ nên không đủ điều kiện để áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt.

Ngoài ra, ông **L** còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc trồng lại rừng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 14 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Do Quyết định số 3613 được Chủ tịch **UBND huyện N** ban hành đảm bảo tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung nên không có căn cứ trả lại số tiền 62.500.000 đồng ông **L** đã nộp phạt.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Minh L** không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông **Hoàng Minh L** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật TTHC năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Minh L** về:

- Huỷ Quyết định số 64/QĐ-KDTG ngày 27/7/2022 của Hạt trưởng **Hạt Kiểm lâm huyện N** về kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính.

- Huỷ Quyết định số 66/QĐ-KDTG ngày 29/8/2022 của Chi cục trưởng **Chi cục Kiểm lâm tỉnh C** về kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính.

- Huỷ Quyết định số 79/QĐ-CCKL ngày 23/11/2022 Chi cục trưởng **Chi cục kiểm lâm tỉnh C** về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Yêu cầu **Chi cục kiểm lâm tỉnh C** bồi thường thiệt hại đối với số ngày tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề với thu nhập hoạt động từ máy xúc của ông tạo ra thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/ngày, số tiền yêu cầu bồi thường là 100.000.000 đồng.

- Huỷ Quyết định số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022 của Chủ tịch **UBND huyện N**, tỉnh Cao Bằng về xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 3613).

- Buộc Chủ tịch **UBND huyện N**, tỉnh Cao Bằng hoàn trả lại số tiền 62.500.000 đồng đã nộp phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3613/QĐ-XPHC ngày 16/9/2022.

2. Về án phí: Ông **Hoàng Minh L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 5,000,000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000072, ngày 28/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Ông **L** còn phải nộp 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đinh Công Hoạt**

**Đàm Văn Sự**

**Nông Công Hưng**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Công Hưng**